

Bản án số: 43/2018/HS-PT
Ngày 06 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 430/2017/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Trần Đức H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 263/2017/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. TRẦN ĐỨC H (tên gọi khác: Ch), sinh năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 211 ĐP, phường TC, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; cư trú tại: hẻm 181 NK, phường TL, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; con ông TNT và bà TTL; có vợ là Trần Thị HN và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 14/6/2016 được gia đình bảo lãnh, ngày 12/7/2017 bị bắt tạm giam – hiện đang giam, có mặt.

2. NGUYỄN TRƯỜNG QUỐC L (tên gọi khác: R), sinh năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 131 TP, phường TC, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; cư trú tại: 19 DVN, phường TT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; con ông Nguyễn TH và con bà Huỳnh TK; có vợ là Trần Thị NH và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 14/6/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – vắng mặt.

3. PHAN THANH H1 (tên gọi khác: HB), sinh năm 1976 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã HT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Phan VT và con bà Đinh TQ; có vợ là Quách Thị Á và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Ngày 17/11/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 03 năm 11 tháng 10 ngày, về tội: Đánh bạc; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 26/6/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

4. LÊ TRỌNG H2 (tên gọi khác: TX), sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 248/34 XV, phường TC, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; cư trú tại: Thôn 1, xã CÊ, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Quảng VP và con bà Lê Tn; có vợ là Lãng TTQ; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 29/7/2016 được gia đình bảo lãnh, ngày 17/7/2017 bị bắt tạm giam bị cáo bị bắt tạm giam, bị cáo hiện đang giam – có mặt.

5. BÀN PHÚ H3 (tên gọi khác: Cn); sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 8, phường TL, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; Cư trú tại: 56 Trần QK, phường TL1, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mán; giới tính: nam; con ông Bàn Ng và con bà Vũ Thị KL; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2017, hiện đang giam – có mặt.

6. TRƯƠNG VĂN T (tên gọi khác: HBD); sinh năm 1979 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Liên gia 2, tổ dân phố 3, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Trương Dg và con bà Nguyễn Thị Cn (đã chết); có vợ là Phạm Thị U và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh; ngày 28/7/2017 bị bắt tạm giam, đến ngày 18/8/2017 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

7. NGUYỄN TẤN P (tên gọi khác: P Tạng); sinh năm 1979 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Er, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Nguyễn Á và con bà Vương Tm; có vợ là Nguyễn Thị TN1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2016, đến ngày 25/8/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

8. TRẦN VĂN Q; sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NH1, xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Trần VT1 và con

bà Nguyễn TH1; có vợ là Tô Thị TH2 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

9. BÙI MẠNH C (tên gọi khác: Đm), sinh năm 1987 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã HT, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; con ông Bùi QH và con bà Bùi TH3 (đã chết); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2016, đến ngày 26/12/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

10. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã Cê, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Nguyễn TK1 và con bà Lê TH4; có vợ là Lê TD và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 16/6/2011, bị Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 01/7/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

11. TRẦN THỊ H3, sinh năm 1955 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TH5, xã ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Trần NH1 và con bà Châu TT1 (đều đã chết); có chồng là Nguyễn TĐ và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/10/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 tháng 21 ngày tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

12. TRẦN THỊ P1, sinh năm 1955 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 189 Phạm VĐ, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Trần Đình O và con bà Đoàn TM2 (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Thành Hg (đã chết) và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1974, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 21/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

13. PHẠM THỊ O (tên gọi khác: Chín O), sinh năm 1962 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không đăng ký hộ khẩu thường trú; cư trú tại: Buôn Km, xã ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Phạm I và con bà Nguyễn Thị I1 (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Hg1 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 18/02/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm; ngày 26/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01 năm;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

14. HÀ THỊ MINH C2, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 2, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Hà XQ (đã chết) và con bà Trần TC; có chồng là Nguyễn TT2; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 26/6/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Công Z, thuộc Văn phòng Luật sư X – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

15. LÊ THỊ THU TR, sinh năm 1981 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 65/5 MXT, phường TN2, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Lê VN và con bà Lê TG; có chồng là Trần Dg và có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

16. LÊ ANH D, sinh năm 1987 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 18, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: nam; con ông Lê HV và con bà Cao TN3; có vợ là Đỗ Thị Gg và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 27/5/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

17. LÊ THỊ NGỌC H4, sinh năm 1971 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn Ep, xã Ci, huyện Ka, tỉnh Đắk Lắk; Cư trú tại: 27 Phạm VĐ, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Lê Ngọc Tc và con bà Nguyễn Thị Kim Cc; có chồng là Văn Tuấn Dg1 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 26/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 14/11/2016 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

18. TRẦN MÃ L1, sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 24, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; con ông Trần Đl và con bà Nguyễn Thị Hg2 (đều đã chết); có vợ là Liêu TL2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 04/6/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

19. NGUYỄN THỊ H5, sinh năm 1978 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã NS, thị xã No, tỉnh Khánh Hòa; Cư trú tại: 02 Trần VPu, phường TL, thành phố BT, Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ may; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Nguyễn Văn Kh và con bà Phạm Thị Hg3; có chồng là Nguyễn Tấn Hg4 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 14/11/2016 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

20. LÊ THỊ L2, sinh năm 1976 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 134 Ny, tổ dân phố 3, thị trấn Qu, huyện Cr, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; con ông Lt (đã chết) và con bà Võ ư; có chồng là Nguyễn Văn Ci1 và có 01 con sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016, đến ngày 26/7/2016 được gia đình bảo lãnh, bị cáo hiện tại ngoại – có mặt.

Ngoài ra còn có 15 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức H là đối tượng không có nghề nghiệp. Vào khoảng cuối tháng 4/2016, H nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền tại địa bàn giáp ranh giữa xã HT, thành phố BT và xã HĐ, huyện Kp, tỉnh Đắk Lắk để thu lợi bất chính. H rủ rê, lôi kéo Phan Thanh H1, Nguyễn Ngọc H6, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Trọng L3 tham gia cùng H tổ chức đánh bạc. Thông qua Nguyễn Ngọc H6 và một số đối tượng khác (chưa rõ nhân thân lai lịch) thì các đối tượng Y, M1, A1, A2, Ô, Ô1 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) cùng vào tham gia tổ chức đánh bạc với H. Sau đó, H trực

tiếp mua của Trương Văn T 01 xe ô tô biển số 47B – 007.55, nhãn hiệu Mercedes, màu trắng, mua ống sắt, búa, ghế nhựa, mua bài Tú Lơ Khơ (để cắt con vị), chén, đĩa (để xóc đĩa) và đưa 5.000.000đồng cho H6 đi mua bạt (để lót đánh bạc), cây sắt (để chống bạt), bóng điện, dây điện, dây dù, bình ắc quy (để chiếu sáng), đưa tiền cho Lê Trọng H2 mua dây thun (để cột tiền), rổ nhựa (để đựng tiền) phục vụ đánh bạc. H phân công vai trò trong việc tổ chức sòng bạc như sau: H là chủ sòng có nhiệm vụ rửa rổ, lôi kéo các con bạc đến đánh bạc và quản lý chung trong sòng bạc; H phân công L quản lý tiền xâu và cùng với H góp mỗi người 20.000.000đồng làm cái ở hình thức đánh bạc senko; H1 canh gác giữ trật tự khu vực bên trong sòng bạc; Lê Trọng H2 kiểm tiền cược, chung tiền trong sòng bạc và thu tiền xâu; đối tượng Y cùng với H2 chung tiền trong sòng bạc, thu tiền xâu của các con bạc; H3 xóc đĩa cho các con bạc đánh bạc; L3 điều khiển xe ô tô biển số 47B – 007.55 chở các con bạc từ quán cà phê Lôi Về thuộc thôn 3, xã HT, thành phố BT vào sòng bạc; H6 và các đối tượng A1, M1, A2, Ô, Ô1 chuẩn bị địa điểm đánh bạc, căng, trải bạt, treo đèn điện, xếp ghế nhựa và canh gác ở các con đường dẫn vào sòng bạc, nếu phát hiện lực lượng chức năng thì nhanh chóng thông báo cho H biết để tẩu tán vật chứng và tổ chức cho các con bạc bỏ chạy. Hàng ngày, sau các lần tổ chức đánh bạc xong thì H6 cùng các đối tượng A1, M1, A2, Ô, Ô1 dọn và cất giữ các dụng cụ đã sử dụng để phục vụ cho việc đánh bạc. Riêng H thì cất giữ ống sắt, búa, bài Tú Lơ Khơ, và chén, đĩa. Sau khi đánh bạc xong, H lấy tiền xâu trả công cho những người tham gia tổ chức đánh bạc là 300.000đồng/người/lần.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 17/5/2016, Nguyễn Ngọc H6 điều khiển xe mô tô biển số 47F2 – 8673 cùng các đối tượng A1, M1, A2, Ô, Ô1 mang các dụng cụ phục vụ đánh bạc đến khu vực lòng suối thuộc địa bàn giáp ranh giữa xã HT, thành phố BT và xã HĐ, huyện Kp, tỉnh Đắk Lắk, căng, trải bạt, treo đèn điện, xếp ghế nhựa để chuẩn bị địa điểm đánh bạc. Chuẩn bị xong, H6 gọi điện thông báo cho H biết. Sau đó, Lê Trọng H2, Bàn Phú H3, Lê Thị L2, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị Tuyết Ph1, Đinh Thị Thùy Tr1, Lê Thị Thu TR, Trà Thị Anh To1, Dương Thị Tn3, Nguyễn NP1 và một số con bạc khác (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi trên xe ô tô 16 chỗ (không rõ biển số) do đối tượng tên Lỳ (chưa rõ nhân thân lai lịch) từ khu vực siêu thị Coop Mart, thành phố BT; Nguyễn Trường Quốc L, Trần Đức H đi xe taxi (chưa xác định được biển số); Trần Văn Q; Trần Thị P1; Trần Thị H3 chở Phạm Thị O; Hà Thị Minh C2; Phan PA1 chở Trần Mã L1 và Trần DH; Phạm TA1 và Lê Thị Ngọc H4 đi xe thô; Lã TTG; Trương Văn T, Bùi Mạnh C chở Bùi TTO. Tất cả đến rẫy cà phê thuộc thôn 10, xã HT, thành phố BT của ông Nguyễn NTH, sinh năm 1944, trú tại: 188 Phạm VĐ, phường TA, thành phố BT để xe tại đây; Nguyễn Trọng L3 điều khiển xe ô tô biển số 47B – 007.55 chở các con bạc Phan Thanh H1, Lê Anh D, Nguyễn Văn T, Trần LNI, Nguyễn Tấn P, Trần T7, Trần Thị N7 và một số con bạc khác (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đến đường liên thôn thuộc thôn 10, xã HT, thành phố BT. Sau đó các con bạc đi bộ đến sòng bạc để đánh bạc. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Đức H mang chén, đĩa, bộ bài Tú Lơ Khơ, ống sắt, búa ra đưa cho TX đục các con vị và giao cho Bàn Phú H3 xóc đĩa. Sau đó, H thông báo cho các con bạc ngồi vào chiếu bạc để bắt đầu đánh bạc. Còn H6, H1 cùng các đối tượng A1, M1, A2, Ô, Ô1 đứng canh gác sòng bạc.

Tại sòng bạc, các đối tượng đánh bạc tham gia chơi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, dạng chẵn, lẻ và đánh senko, trong đó, chiều bạc chẵn lẻ được chia làm 2 khu vực là khu vực dành cho các con bạc chơi nhiều tiền (còn gọi là sòng lớn (hoặc sòng A1), quy ước đặt ít nhất 1.000.000đồng/người/ván bạc) và khu vực dành cho các con bạc chơi ít tiền dưới 1.000.000đồng/người/ván bạc (còn gọi là sòng rác hoặc sòng nhỏ).

Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 18/5/2016, Trần Đức H, Nguyễn Trường Quốc L, Phan Thanh H1, Lê Trọng H2 đang tổ chức cho Hà Thị Minh C2, Đinh Thị Thùy Tr1, Lê Anh D, Lê Thị Ngọc H4, Lê Thị L2, Nguyễn NP1, Trần Thị P1, Trần Văn Q, Trà Thị Anh To1, Trương Văn T, Lê Thị Thu TR, Trần T7, Lã TTG, Trần Thị H3, Dương Thị Tn3, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Tuyết Ph1, Trần Thị N7, Trần LNI, Trần Mã L1, Nguyễn Thị H5, Phạm Thị O, Phạm TA1 đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện, bắt quả tang. Riêng Nguyễn Ngọc H6, Nguyễn Trọng L3, Bàn Phú H3, Bùi TTO, Bùi Mạnh C, Nguyễn Tấn P, Phan PA1, Trần DH và một số con bạc, đối tượng tổ chức đánh bạc khác chạy thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã thu giữ tang vật, gồm:

- Tiền tạm giữ trên chiều bạc dùng đánh bạc, tổng cộng là 578.840.000đồng.
- 03 bàn senko, 08 con vị, 01 chén, 05 ghế nhựa lớn, 01 đĩa, 60 ghế nhựa nhỏ, 03 tấm bạt, 03 rổ nhựa, 01 bình ắc quy, 06 bóng đèn, 01 búa, 01 ống sắt, 03 dây dù (tổng chiều dài là 35m), 25m dây điện, 02 cây sắt tròn (dài 2m/cây), 0,5kg dây thun là công cụ dùng đánh bạc và thu giữ các tài sản khác liên quan đến việc đánh bạc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 263/2017/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đức H, Nguyễn Trường Quốc L, Phan Thanh H1, Lê Trọng H2, Bàn Phú H3 phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo: Trần Đức H, Nguyễn Trường Quốc L, Phan Thanh H1, Nguyễn Thị H5, Trần Văn Q, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Hà Thị Minh C2, Nguyễn Văn T, Lê Thị Thu TR, Phạm Thị O, Bùi Mạnh C, Lê Anh D, Nguyễn Tấn P, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Lê Thị L2, Trần Mã L1, phạm tội “Đánh bạc”

Tuyên phạt:

1. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 2 điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 điều 48; Khoản 1, 2 Điều 50; Điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 06 (sáu) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo H phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12/7/2017

(được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 14/6/2016.)

2. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 249; b Khoản 2 Điều 248; điểm p Khoản 1,2 Điều 46; Điều 47; Điều 50 BLHS

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Quốc L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Quốc L 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Trường Quốc L phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 14/6/2016)

3. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm a, b khoản 2 điều 249; điểm p Khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 50; 51 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng các quy định về hình phạt nhẹ hơn và các quy định có lợi cho người phạm tội do Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phan Thanh H1 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Phan Thanh H1 02 (hai) năm tù giam về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo Phan Thanh H1 phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/6/2016).

4. Áp dụng điểm a, b khoản 2 điều 249; điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Lê Trọng H2 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/7/2017 (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 29/7/2016).

5. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 249; điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 69; Điều 74 BLHS

Xử phạt: Bàn Phú H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/7/2017.

6. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Trương Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2017 đến ngày 27/5/2017).

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 01/7/2016)

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Trần Văn Q 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Nguyễn Tấn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2016 đến ngày 25/8/2016).

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Lê Thị Thu TR 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Lê Anh D 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Nguyễn Thị H5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2017 đến ngày 14/11/2016).

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Bùi Mạnh C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2016 đến ngày 26/12/2016).

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS

Xử phạt: Trần Thị P1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Phạm Thị Ồ (Chín Ồ) 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Trần Thị H3 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 19/5/2016 đến ngày 27/5/2016).

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Lê Thị Ngọc H4 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 14/11/2016).

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Lê Thị L2 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 26/7/2016).

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Hà Thị Minh C2 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2016 đến ngày 26/6/2016).

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt: Trần Mã L1 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2016 đến ngày 04/6/2016).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo: Nguyễn Thị H5, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Phạm Thị O, Trần Mã L1, Lê Thị L2, Hà Thị Minh C2, Lê Thị Thu TR, Bàn Phú H3 kháng cáo xin hưởng án treo; các bị cáo: Trần Đức H, Trần Văn Q, Nguyễn Văn T, Lê Anh D, Bùi Mạnh C, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Tấn P, Phan Thanh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Kiểm sát viên tại phiên tòa đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận kháng cáo đối với các bị cáo Nguyễn Thị H5, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Phạm Thị O, Lê Thị L2, Hà Thị Minh C2, Lê Thị Thu TR, Trần Đức H, Nguyễn Văn T, Bùi Mạnh C, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Tấn P, Phan Thanh H1, giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, Trần Mã L1, Lê Anh D, Bàn Phú H3, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Bàn Phú H3 01 năm 10 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Lê Anh D và Trần Văn Q mỗi bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm; Áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60

BLHS 1999; điểm t, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo Trần Mã L1 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Minh C2 cho rằng bị cáo C2 do nhất thời phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra không lớn, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Vào cuối tháng 4/2016, bị cáo Trần Đức H tổ chức đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền và rủ rê các bị cáo Phan Thanh H1, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Bàn Phú H3 cùng chuẩn bị công cụ phương tiện phục vụ cho việc đánh bạc và chuyên chở các con bạc đến địa điểm đánh bạc. Vào lúc 00 giờ 05 phút tại khu vực lòng suối, giáp ranh giữa xã HT, thành phố BT với xã HĐ, huyện Kp, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo tổ chức đánh bạc và tham gia đánh bạc bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang; thu giữ tại sông bạc số tiền 578.840.000đ cùng các tang vật phục vụ cho việc đánh bạc, thu giữ trong người các bị cáo số tiền 155.770.000đ.

[2] Đối với bị cáo Trần Mã L1 và Trần Văn Q, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, việc buộc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, bởi lẽ: các bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; Gia đình bị cáo Trần Mã L1 là gia đình liệt sỹ và có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan Công an phát hiện và điều tra tội phạm, cụ thể là khai ra hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc của bị cáo Trần Đức H; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần được áp dụng đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho 02 bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Đối với các bị cáo còn lại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra trên cơ sở đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Mã L1 và Trần Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

- Các bị cáo Nguyễn Thị H5, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Phạm Thị O, Lê Thị L2, Hà Thị Minh C2, Lê Thị Thu TR, Bàn Phú H3, Trần Đức H, Nguyễn Văn T, Lê Anh D, Bùi Mạnh C, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Tấn P, Phan Thanh H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Mã L1, Trần Văn Q sửa bản án sơ thẩm.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H5, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Phạm Thị O, Lê Thị L2, Hà Thị Minh C2, Lê Thị Thu TR, Bàn Phú H3, Trần Đức H, Nguyễn Văn T, Lê Anh D, Bùi Mạnh C, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Tấn P, Phan Thanh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

1. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 249; điểm b khoản 2 điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm n khoản 1 điều 48; khoản 1, 2 Điều 50; Điều 51 BLHS

Xử phạt bị cáo **Trần Đức H (Ch)** 06 (sáu) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo **Trần Đức H (Ch)** phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 14/6/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2017.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 249; điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50 BLHS

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường Quốc L (R)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo **Nguyễn Trường Quốc L (R)** phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 14/6/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm a, b khoản 2 điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, 2 Điều 50; 51 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng các quy định về hình phạt nhẹ hơn và các quy định có lợi cho người phạm tội do Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo **Phan Thanh H1 (HB)** 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 02 (hai) năm tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt bị cáo **Phan Thanh H1 (HB)** phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 26/6/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm a, b khoản 2 điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Lê Trọng H2 (TX)** 03 (ba) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 29/7/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2017.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 69; Điều 74 BLHS

Xử phạt bị cáo **Bàn Phú H3 (Cn)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2017.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Trương Văn T (HBD)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2017 và từ ngày 28/7/2017 đến ngày 18/8/2017; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 01/7/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn P (P Tặng)** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2016 đến ngày 25/8/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu TR** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Lê Anh D** 02 (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H5 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2017 đến ngày 14/11/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Bùi Mạnh C (Đm) 02** (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2016 đến ngày 26/12/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS

Xử phạt bị cáo **Trần Thị P1 01** (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị O (Chín O) 02** (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Trần Thị H3 02** (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/5/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Ngọc H4 02** (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 14/11/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L2 02** (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 26/7/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS

Xử phạt bị cáo **Hà Thị Minh C2 02** (hai) năm tù. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2016 đến ngày 26/6/2016; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm t, x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo **Trần Mã L1 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Mã L1

cho UBND xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Q 02** (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trần Văn Q cho UBND xã DB, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Bị cáo Trần Mã L1 và bị cáo Trần Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị H5, Lê Thị Ngọc H4, Trương Văn T, Trần Thị P1, Trần Thị H3, Phạm Thị O, Lê Thị L2, Hà Thị Minh C2, Lê Thị Thu TR, Bàn Phú H3, Trần Đức H, Nguyễn Văn T, Lê Anh Dũng, Bùi Mạnh C, Nguyễn Trường Quốc L, Lê Trọng H2, Nguyễn Tấn P, Phan Thanh H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HS nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp Buôn Ma Thuột;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an Tp Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Tấn Đức